**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2021-2022**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **STT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **%**  **Tổng**  **điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian**  ***(phút)*** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***TN*** | ***TL*** |
| 1 | **A**.Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | **A**.1.Khái quát chung  **A**.2.Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện  **A**.3.Khai thác thế mạnh nông nghiệp | 2 | 1,5 | 1 | 1,0 | 1\* | 1,5 |  | 0 | 4 | 0 | 4,00 | **1,0** |
| 2 | **B**.Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng. | **B**.1.Thế mạnh và hạn chế của ĐBSH  B2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và các định hướng chính | 1 | 0,75 | 1 | 1,0 |  | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 1,75 | **0,5** |
| 3 | **C.** Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ. | **C**.1. Hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp  **C**.2.Hình thành cơ cấu công nghiêp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải | 1 | 0.75 |  | 0 |  |  | 1\*\* | 2,25 | 2 | 0 | 3 | **0,5** |
| 4 | **D**. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ. | **D**.1.Phát triển tổng hợp kinh tế biển  **D**.2.Phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng | 1 | 0,75 | 1 | 1,0 | 1\* | 1,5 |  |  | 3 | 0 | 3,25 | **0,75** |
| 5. | **E**. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên. | **E.1**.Khái quát chung  **E.2**.Phát triển cây công nghiệp lâu năm  **E.3**. Khai thác thủy năng kết hợp thủy lợi | 2 | 1,5 | 2 | 2,0 |  |  |  |  | 4 | 0 | 3,5 | **1,0** |
| 6. | **F**. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ĐNB. | **F.1.**Khái quát chung  **F.2**.Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu |  |  |  |  | 1\* | 1,5 | 1\*\* | 2,25 | 2 | 0 | 3,75 | **0,5** |
| 7. | **G**.Vấn đề sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng SCL. | **G.1. C**ác thế mạnh và hạn chế của ĐB sông Cửu Long  **G.2**. Sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ĐB sông Cửu Long. | 1 | 0,75 | 1 | 1,0 | 1\* | 1,5 | 1\*\* | 2,25 | 4 | 0 | 5.5 | **1,0** |
| 8 | **N**. Kĩ năng | **E**. Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | 8 | 6,00 | 6 | 6,00 | 4 | 6,00 | 1 | 2,25 | 19 | 0 | 20,25 | **4,75** |
| **Tổng** | | | **16** | **12** | **12** | **12** | **8** | **12** | **4** | **9** | **40** | **0** | **45,00** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | |  | | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |  | | |

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan được tính 0,25 điểm; các câu hỏi tự luận cho điểm tương ứng với cấp độ được quy định chi tiết trong hướng dẫn chấm.

- (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: **A** hoặc **B** hoặc **C** hoặc **D**.

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: **A** hoặc **C** hoặc **D**.

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2021-2022**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị**  **kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **A** . Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam | **A**.1.Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh trong vùng và một số thế mạnh kinh tế.  ***Thông hiểu :***  - Biết được sự phát triển kinh tế của vùng có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế.  - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  ***Vận dụng:***  - Phân tích việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng ; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục.  ***Vận dụng cao*** : giải thích được thế mạnh đặc biệt của vùng khi phát triển kinh tế xã hội | 2 | 1 | 1 |  |
| **A**.2.Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng, nêu được các thế mạnh chủ yếu và các hạn chế của vùng.  ***Thông hiểu :***  - Trình bày được tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các định hướng chính ; nguyên nhân của sự chuyển dịch. | 1 | 1 |  |  |
|  |
| **A**.3.Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh trong vùng và việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư ; hình thành cơ cấu công nghiệp, hạ tầng giao thông vận tải.  ***Vận dụng*** ***cao***: Các giải pháp để phát triển kinh tế xã hội của vùng | 1 |  |  | 1 |
| **A**.4.Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng.  - Trình bày được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển.  ***Thông hiểu :***  - Trình bày được tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  ***Vận dụng :*** giải pháp thực hiện phát triển các ngành kinh tế của vùng | 1 | 1 |  |  |
| 1 |
| **A**.5.Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh trong vùng và một số điều kiện thuận lợi trong việc khai thác các thế mạnh kinh tế của vùng.  ***Thông hiểu :***  - Hiểu được thực trạng phát triển cây công nghiệp; khai thác và chế biến lâm sản, bảo vệ rừng; phát triển thuỷ điện, thuỷ lợi và những vấn đề của vùng, biện pháp giải quyết những vấn đề đó. | 2 | 2 |  |  |
| **A**.6.Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ĐNB | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng, vai trò của vùng so với cả nước dựa trên các chỉ số kinh tế…  ***Vận dụng :***  - Chứng minh được sự phát triển theo chiều sâu trong công nghiệp, nông nghiệp của Đông Nam Bộ.  ***Vận dụng cao :***  - Liên hệ được ý nghĩa của khai thác tổng hợp kinh tế biển đối với phát triển kinh tế. | 1 |  | 1 | 1 |
| **A**.7.Vấn đề sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng SCL | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng.  - Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của vùng.  ***Thông hiểu :***  - Phân tích được một số biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên.  ***Vận dụng*** : giải thích được nguyên nhân gây ra những khó khăn cho ĐBSCL, giải pháp khắc phục.  ***Vận dụng cao*** : Liên hệ các vấn đề thực tiễn đang diễn ra đối với đồng bằng sông Cửu Long | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **2** | **B**. Kĩ năng | **B**. Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | ***Nhận biết:***  - Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung về các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội.  ***Thông hiểu:***  - So sánh được các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.  ***Vận dụng :***  - Vẽ biểu đồ, phân tích, giải thích số liệu thống kê. | 8 | 6 | 4 | 1 |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **8** | **4** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |